TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 22-02-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc

2. Bà Lý Thị Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST - HNGĐ ngày 31/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vừ Thị S, sinh năm 1999. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Sùng A L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Đều trú tại bản C, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải ngày 31/01/2023 nguyên đơn chị Vừ Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng

đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Vừ Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Sùng A L.

Về con chung: Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L có 02 (hai) con chung, cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 và cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020. Cháu Sùng A N và cháu Sùng Thị Thiên Ng đang sống chung với anh Sùng A L tại bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Vừ Thị S có nơi cư trú ổn định tại bản C, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Chị Sy làm trồng trọt, chăn nuôi và làm thuê, có thu nhập ổn định, thu nhập bình quân hàng tháng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Chị S có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Chị Vừ Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sùng Thị Thiên Nga. Chị Vừ Thị S đề nghị anh Sùng A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sùng A Nếnh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vừ Thị S không yêu cầu anh Sùng A L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Sùng Thị Thiên Nga. Chị Vừ Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Sùng A Nếnh, sinh ngày 26/02/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Vừ Thị S cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, tại phiên hòa giải ngày 31/01/2023 và tại phiên toà bị đơn anh Sùng A L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Sùng A L và chị Vừ Thị S kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn. Anh Sùng A L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn đoàn tụ, anh Sùng A L không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Sùng A L và chị Vừ Thị S có 02 (hai) con chung, cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 và cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020. Cháu Sùng A N và cháu Sùng Thị Thiên Ng đang sống chung với anh Sùng A L tại bản C, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. Anh Sùng A L cho rằng cháu Sùng A Nếnh bị dị tật bẩm sinh.

Anh Sùng A L có nơi cư trú tại bản C, xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Anh Sùng A L làm trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân hàng tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Anh Lầu đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Anh Sùng A L đề nghị giao cháu Sùng A Nếnh và cháu Sùng Thị Thiên Nga cho chị Vừ Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Sùng A L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Sùng A L cam đoan không có nợ chung.

Ngoài những tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã giao nộp. Chị S, anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 02/02/2023: Tại bản C, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Vừ Thị S, anh Sùng A L có nơi cư trú ổn định. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Hiện tại chị Vừ Thị S, anh Sùng A L đã sống ly thân. Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L có 02 (hai) con chung, cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 và cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020. Cháu Sùng A N có biểu hiện bị dị tật bẩm sinh, không được hưởng trợ cấp xã hội tại xã P. Chị Vừ Thị S, anh Sùng A L làm trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Chị Vừ Thị S, anh Sùng A L đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết của thẩm phán và quá trình xét xử của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Xử cho chị Vừ Thị S được ly hôn anh Sùng A L.

Về con chung: Giao cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020 cho chị Vừ Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Sùng A Nếnh, sinh ngày 26/02/2018 cho anh Sùng A L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Vừ Thị S không yêu cầu). Chị Vừ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Sùng A Nếnh, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2023 đến khi cháu Sùng A Nếnh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Vừ Thị S, anh Sùng A L cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vừ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vừ Thị S yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Sùng A L có địa chỉ tại bản Cổng Chặp, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Vừ Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với việc bị đơn anh Sùng A L cho rằng cháu Sùng A Nếnh bị dị tật bẩm sinh, ngày 01/02/2023 Tòa án ra thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ, yêu cầu anh Sùng A L bổ sung tài liệu, chứng cứ. Anh Sùng A L không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu. Xét thấy bị đơn anh Sùng A L không nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu. Do đó không có căn cứ xem xét, giải quyết đối với việc cháu Sùng A Nếnh bị dị tật bẩm sinh. Căn cứ Điều 6, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh L là hợp pháp, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái. Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Sùng A L.

Bị đơn anh Sùng A L cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh Lầu không nhất trí ly hôn với chị Vừ Thị S.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Toà án. Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị Sy và anh Lầu đã sống ly thân.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Sy và anh Lầu trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, xử cho chị Vừ Thị S được ly hôn anh Sùng A L.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L có 02 (hai) con chung, cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 và cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020. Chị Vừ Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Thị Thiên Nga. Chị Vừ Thị S đề nghị anh Sùng A L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng A Nếnh. Chị Vừ Thị S không yêu cầu anh Sùng A L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Sùng Thị Thiên Ng. Chị Vừ Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Sùng A N, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023.

Anh Sùng A L đề nghị giao cháu Sùng A Nếnh và cháu Sùng Thị Thiên Nga cho chị Vừ Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Sùng A L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Chị S, anh L đều có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập.

Cháu Sùng Thị Thiên N là con gái, còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) giao cho chị Vừ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 cho anh Sùng A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (cháu Sùng A N đang được anh Sùng A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Sùng Thị Thiên Nga (chị Vừ Thị S không yêu cầu cấp dưỡng).

Cháu Sùng A N thường xuyên ốm đau, chị Vừ Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Sùng A N mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023 là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Vừ Thị S, anh Sùng A Lầu cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Vừ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vừ Thị S được ly hôn anh Sùng L.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020 cho chị Vừ Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Sùng A N, sinh ngày 26/02/2018 cho anh Sùng A L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Sùng Thị Thiên Ng, sinh ngày 26/02/2020 (chị Vừ Thị S không yêu cầu cấp dưỡng). Buộc chị Vừ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Sùng A Nếnh, sinh ngày 26/02/2018, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2023.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Vừ Thị S và anh Sùng A L không có nợ chung.

7. Về án phí: Chị Vừ Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Vừ Thị S phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0002094, ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Vừ Thị S phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

8. Về quyền kháng cáo:

Chị Vừ Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Anh Sùng A L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/02/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng